

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **408/2026/DS-PT**

Ngày: 22/5/2026

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Bà Mai Vân Anh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Phương Dung

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 599/2025/DSPT ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2026/QĐXXPT-DS ngày 02/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2026/QĐ-HPT ngày 21/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2026/QĐ-HPT ngày 15/5/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Đức A, sinh năm 1969. Đăng ký thường trú: Số B, ngõ B T, phường K, quận Đ, Hà Nội. Nay là phường K, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Thái H, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Số A ngõ I, phường L, quận Đ, Hà Nội. Nay là phường L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thái Hồng S, sinh năm 1948 (chết năm 2014).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S gồm:

3.1.1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1954 (vợ ông S). Đăng ký thường trú: Phòng 319 C phố Q, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số H, Đội 6 thôn X, xã X, huyện T, Hà Nội. Nay là xã X, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Thái Thị Bích T. (Giấy ủy quyền ngày 25/02/2025). Vắng mặt.

3.1.2. Chị Thái Thị Hồng C, sinh năm 1978. (con gái ông S). Đăng ký thường trú: Phòng 217 C phố Q, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số H, Đội 6 thôn X, xã X, huyện T, Hà Nội. Nay là xã X, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.1.3. Chị Thái Thị Bích T, sinh năm 1979. (con gái ông S). Đăng ký thường trú: Phòng 312 C phố Q, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số A, ngách H ngõ E phố M, phường T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.1.4. Chị Thái Thị Minh T1, sinh năm 1982. (con gái ông S). Đăng ký thường trú: Phòng 512 C phố Q, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ A phố V, phường V, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.2. Ông Thái Văn H1, sinh năm 1962. Đăng ký thường trú: Số nhà A, ngõ B đường T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số D, ngách E, ngõ F phố T, xã T, huyện T, Hà Nội. Nay là phường T, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đặng Bảo V và Luật sư Nguyễn Văn S1 – Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Luật sư Vĩnh Có M.

3.3. Văn phòng Công chứng Việt - Thành phố H. Trụ sở: Số B phố N, phường T, quận C, Hà Nội. Nay là phường Y, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H2 – Trưởng văn phòng. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thái Đức A trình bày:** Bố ông là Thái S (tên gọi khác là Thái Văn P), sinh năm 1924 (chết năm 1990), mẹ ông là Tăng Thị S2, sinh năm 1930 (chết năm 2022). Bố mẹ ông có 04 người con gồm:

1. Ông Thái Hồng S, sinh năm 1948 (chết năm 2014), có vợ Trần Thị B và có 03 con gồm: Thái Thị Hồng C, sinh năm 1977; Thái Thị Bích T, sinh năm 1979; Thái Thị Minh T1, sinh năm 1982.

Bà B hiện đang ở: Đ, thôn X, xã X, huyện T, thành phố Hà Nội.

Ông Thái Hồng S là con riêng của cụ Thái S với người vợ trước.

2. Ông Thái H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số A ngõ I, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

3. Ông Thái Văn H1, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D ngách E ngõ F T, T, Hà Nội.

4. Ông Thái Đức A.

Ngoài ra bố mẹ ông không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Sinh thời, khi cụ Thái S (Thái Văn P) và cụ S2 còn sống có để lại 03 khối di sản:

1. Nhà đất tại địa chỉ C T có diện tích 100m². Hiện nay, nhà đất đang do ông H quản lý. Nhà đất được chia thành 02 phần: 30m² làm cửa hàng thì sổ đỏ đứng tên bố mẹ tôi. Còn 70 m² phía trong thì sổ đỏ đứng tên anh H.

2. Nhà đất tại địa chỉ số A ngõ B T có diện tích 71 m². Nhà gồm 02 tầng. Sổ đỏ đứng tên ông H1 và do ông H1 quản lý, sử dụng.

3. Nhà xưởng cấp 4 tại địa chỉ số B ngõ B T có diện tích khoảng 50.4 m². Hiện tại ông A là người quản lý, sử dụng. Sổ đỏ đứng tên cụ Tăng Thị S2 và chồng ông Thái S (đã chết).

Ngoài ra khi bố mẹ ông còn sống có cho ông S nhà đất tại địa chỉ ở phường K, quận T, Hà Nội.

Bố ông chết đột ngột nên không để lại di chúc.

Mẹ ông khi chết có để lại di chúc. Khi lập di chúc có sự chứng kiến của công chứng viên Văn phòng công chứng Việt - Thành phố H và 02 người làm chứng là Nguyễn Văn H3 và Bùi Thị H4, được Văn phòng công chứng xác nhận lập ngày 19/8/2011. Nội dung của bản di chúc là mẹ ông đồng ý để lại, để thừa kế phần bất động sản thuộc sở hữu và sử dụng riêng của mẹ ông và phần bất động sản mà mẹ ông được hưởng từ bố ông là cụ Thái S để lại trong khối bất động sản nêu trên cho ông là nhà đất tại địa chỉ số B ngõ B T, phường K, quận Đ, Hà Nội.

Ngoài ra mẹ ông không lập di chúc nào khác.

Đối với nhà đất số 1 và số 2 mà ông nêu trên bố mẹ ông đã cho ông H và ông H1 trước khi ông bà mất. Hai nhà đất trên đã được làm sổ đỏ sang tên cho ông H và ông H1 nên ông không có yêu cầu tranh chấp gì đối với 2 nhà đất này mà chỉ có yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc đối với nhà đất tại số B ngõ B T. Ông đề nghị Tòa án chia cho ông được hưởng phần di sản thừa kế theo đúng bản di chúc mẹ ông để lại. Đối với di sản của bố ông là cụ Thái S để lại ông A đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản bố ông để lại vì cụ Thái S đã mất hơn 30 năm rồi và công nhận ông là người đang quản lý di sản được toàn quyền sở hữu và sử dụng đối với phần di sản bố ông là cụ Thái S để lại.

Nhà đất tại số B ngõ B T, phường K, quận Đ, Hà Nội từ trước đến nay do ông A quản lý sử dụng và tôn tạo, đóng thuế sử dụng đất cho nhà nước.

Ngoài các yêu cầu trên ông không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

***Tại các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ông Thái H trình bày:** Về quan hệ huyết thống của cụ Thái S (tên gọi khác Thái Văn P) và cụ Tăng Thị S2 như ông A khai là đúng. Sinh thời, khi cụ Thái S và cụ Tăng Thị S2 còn sống, có để lại 03 khối di sản. Nhà đất tại số C T đã được bố mẹ ông chia cho ông và nhà đất tại số A ngõ B T đã được bố mẹ ông cho ông H1. Ngoài ra bố mẹ ông còn cho ông A nhà đất trong ngõ A đường C có diện tích 150m². Cụ Thái S chết do bị cảm nên không để lại di chúc.

Nhà đất tại địa chỉ số B ngõ B T là của bố mẹ ông để lại. Còn bản di chúc mà ông A xuất trình cho Tòa, ông không hề biết về nội dung của bản di chúc này,

từ khi cụ Thái S chết cho đến nay gia đình không bàn hay thỏa thuận gì về việc chia di sản của cụ Thái S để lại là nhà đất tại số B ngõ B T.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông A thì ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ số B ngõ B T theo đúng quy định pháp luật. Ông H xác nhận nhà đất tại số B ngõ B T do ông A là người quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay. Ngoài ra bố mẹ ông không để lại di sản thừa kế nào khác. Ngoài các yêu cầu trên ông không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

*** Tại các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập ông Thái Văn H1 trình bày:** Ông xác nhận lời khai của ông H và ông A về những người con và di sản của cụ Thái S và cụ Tăng Thị S2 như ông H và ông A trình bày là đúng, tuy nhiên ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, ông nhất trí với ý kiến của ông Thái H. Ngày 10/6/1992, mẹ ông là cụ Tăng Thị S2 viết giấy cho ông nhà đất tại số B ngõ B đường T. Trước khi mẹ ông viết giấy này thì gia đình ông đã họp và mẹ ông đã phân chia cho 3 anh em theo Giấy thừa kế ngày 10/6/1989 (ông nghĩ giấy này mẹ ông viết năm 1989 là không đúng vì khi đó bố ông vẫn còn sống, bố ông mất năm 1990, ông không nhớ giấy này mẹ ông viết năm nào) nhưng có đầy đủ chữ ký của mẹ ông, 3 anh em ông, mục đích mẹ ông viết giấy này để cho các anh em ông làm sổ đỏ. Ông đề nghị Tòa án hủy di chúc của mẹ ông viết ngày 19/8/2011 và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được hưởng 30m² tại nhà số B ngõ B T theo đúng di nguyện của mẹ ông đã viết ngày 10/6/1992. Nếu trường hợp di chúc không có hiệu lực pháp luật, nhà đất nêu trên của bố, mẹ ông để lại ông đề nghị Tòa án giải quyết chia đều cho các con theo quy định của pháp luật, chia theo giá trị mà hội đồng định giá đã định giá. Ông xin nhận bằng tiền.

Nhà đất tại số B ngõ B đường T do ông A là người quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay, từ khi bố ông chết cho đến nay gia đình ông không thỏa thuận hay bàn bạc về việc chia di sản của bố ông là cụ Thái S để lại. Ông không đồng ý với yêu cầu áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Thái S để lại. Ngoài các yêu cầu trên ông không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

*** Tại các bản tố tụng tại tòa cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị B, chị Thái Thị C, chị Thái Bích T và chị Thái Minh T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Hồng S cùng thống nhất trình bày:**

Bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 đã nghe rõ phần trình bày của ông Thái H và ông Thái Văn H1 và nhất trí với các ý kiến trình bày của ông Thái H, ông Thái Văn H1.

Bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 xác nhận ông Thái Hồng S là con trai cả của cụ Thái S với người vợ trước đã chết, ông Thái Hồng S và bà Trần

Thị B kết hôn năm 1977. Sau khi kết hôn ông Thái Hồng S và bà Trần Thị Bình S3 được 03 người con gái gồm Thái Thị C, sinh năm 1978, Thái Thị Bích T, sinh năm 1979, Thái Thị Minh T1, sinh năm 1982.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tăng Thị S2 theo di chúc ngày 19/8/2011 và đề nghị áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của cụ Thái S để lại bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 không đồng ý. Bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 cùng đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 cho rằng di chúc ngày 19/8/2011 của cụ Tăng Thị S2 là không hợp pháp.

Bà B do chị C đại diện, chị C, chị T, chị T1 nhất trí với ý kiến của ông Thái Văn H1 đề nghị Tòa án hủy di chúc ngày 19/8/2021 của cụ Tăng Thị S2.

*** *Tại bản án số 30/2025/DS-ST ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xử và quyết định:*** Căn cứ Điều 609, 612, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 630, 643, 659 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Luật người cao tuổi. Căn cứ Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu đề nghị áp dụng thời hiệu của ông Thái Đức A.

[2]. Xác nhận cụ Thái S chết 04/06/1990 không để lại di chúc, cụ Tăng Thị S2 chết ngày 08/09/2022 có để lại di chúc.

[3]. Xác nhận di chúc của cụ Tăng Thị S2 lập ngày 19/08/2011 là hợp pháp.

[4]. Xác nhận nhà đất tại số B ngõ B đường T, (phường K, quận Đ cũ) nay là phường K, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109333077, hồ sơ gốc 2579.2004/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/9/2004 cho bà Tăng Thị S2 (chồng là ông Thái S đã chết) thuộc thửa đất số: 124-7, tờ bản đồ số: 6G-IV-39, diện tích 68,31m² là tài sản chung của cụ Thái S và cụ Tăng Thị S2.

[5]. Xác nhận hàng thừa kế của cụ Thái S là cụ Tăng Thị S2, ông Thái Văn H1, ông Thái H và ông Thái Đức A, (chị Thái Thị Hồng C, chị Thái Thị Bích T và chị Thái Thị Minh T1 (con của ông Thái Hồng S đã chết năm 2014).

[6]. Xác nhận ½ nhà đất tại số B ngõ B đường T, (phường K, quận Đ cũ) nay là phường K, thành phố Hà Nội có diện tích 34,155m² là di sản của cụ Tăng Thị S2.

[7]. Xác nhận ½ nhà đất tại số B ngõ B đường T, (phường K, quận Đ cũ) nay là phường K, thành phố Hà Nội có diện tích 34,155m² là di sản của cụ Thái S để

lại đã hết thời hiệu khởi kiện nên được giao cho ông Thái Đức A sở hữu và sử dụng.

[8]. Xác nhận ông Thái Đức A được thừa kế toàn bộ nhà đất tại số B ngõ B đường T, (phường K, quận Đ cũ) nay là phường K, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109333077, hồ sơ gốc 2579.2004/QĐ-UB do UBND quận Đ, thành phố Hà Nội cấp cho bà Tăng Thị S2 (Chồng là ông Thái S đã chết) ngày 29/9/2004, thuộc thửa đất số: 124-7, tờ bản đồ số: 6G-IV-39, diện tích 68,31m² (bao gồm ½ diện tích nhà đất là di sản của cụ Thái S và ½ diện tích nhà đất là di sản thừa kế theo di chúc của cụ bà Tăng Thị S2).

Ông Thái Đức A có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với phần nhà đất được chia và tự chịu mọi chi phí.

[9]. Không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn H1 đề nghị Tòa án tuyên hủy Di chúc của cụ Tăng Thị S2 lập ngày 19/08/2011.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 16/7/2025, ông Thái Văn H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị huỷ bỏ di chúc ngày 19/8/2011 do ông Thái Đức A xuất trình và trả lại 30 m² đất tại số nhà B ngõ B đường T, Hà Nội cho ông H1 theo bản thừa kế viết tay ngày 10/6/2092.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Luật sư và ông Thái Văn H1 thống nhất trình bày: Đề nghị Tòa án áp dụng án lệ số 26 đối với phần di sản của cụ Thái S để chia tài sản chung vẫn còn thời hiệu và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bản di chúc của cụ S2 được công chứng tại văn phòng C ngày 19/8/2011 lưu trong hồ sơ không phải là bản gốc. Tại văn bản này, tuy có hai người làm chứng nhưng không ghi rõ địa chỉ của người làm chứng. Mặt khác, tại thời điểm công chứng thì cụ S2 đang bị bệnh không thể đi lại được nên không thể đến văn phòng công chứng để lập di chúc. Trước đây, cụ S2 đã có văn bản phân chia tài sản vào ngày 10/6/1989 và ngày 10/6/1992 cho các con rồi. Đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong đó cần làm rõ tính hợp pháp của bản di chúc ngày 19/8/2011.

Ông Thái H, chị Thái Thị Hồng C trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và nhất trí với ý kiến của ông Thái Văn H1 đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:***

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận. Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản di chúc ngày 19/8/2011 của cụ Tăng Thị S2 và trả lại 30m² đất tại số nhà B, ngõ B đường T, quận Đ, Hà Nội cho ông H1 theo giấy thừa kế ngày 10/6/1992.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, các đương sự thống nhất và không kháng cáo về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, hàng thừa kế và thời điểm mở thừa kế của cụ Thái S (tên gọi khác là Thái Văn P và cụ Tăng Thị S2).

Cụ Thái S chết ngày 04/6/1990, không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu chia thừa kế phần di sản của cụ Thái S để lại là 1/2 nhà đất tại số B ngõ B đường T và công nhận ông Thái Đức A là người đang trực tiếp quản lý nhà đất tại số B ngõ B đường T cho đến nay có quyền sở hữu và sử dụng 1/2 nhà đất là di sản của cụ Thái S để lại là có căn cứ, phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998 của UBTVQH và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

Xét yêu cầu độc lập của ông Thái Văn H1 đề nghị tuyên hủy toàn bộ di chúc của cụ Tăng Thị S2 lập ngày 19/8/2011 với lý do là cụ Tăng Thị S2 đã viết giấy cho ông nhà đất tại số B ngõ B đường T vào ngày 10/06/1992, gia đình đã họp và cụ S2 đã phân chia cho 3 anh em theo Giấy thừa kế ngày 10/06/1989. Tuy nhiên, các giấy tờ ông Thái Văn H1 nộp cho Tòa án chỉ là bản photo, mặt khác về hình thức các giấy tờ trên không tuân thủ quy định của pháp luật về tặng cho nhà đất. Đến năm 2004, cụ Tăng Thị S2 đã kê khai diện tích nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của cụ S2 và cụ Thái S và đã được UBND quận Đ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất nên theo quy định tại điều 106 luật đất đai năm 2003 thì cụ Tăng Thị S2 có quyền để thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của mình.

Xét bản di chúc cụ Tăng Thị S2 đã được Văn phòng Công chứng Việt - Thành phố H chứng thực ngày 19/08/2011 thì về hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 630 Bộ luật dân sự nên di chúc của cụ S2 là hợp pháp và có giá trị pháp lý nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn H1 đề nghị Tòa án tuyên hủy Di chúc do cụ Tăng Thị S2 lập ngày 19/8/2011 và công nhận ông được quyền sở hữu và sử dụng 30m² đất mà cụ Tăng Thị S2 đã viết giấy cho ông vào năm 1992 là có căn cứ.

Cụ Tăng Thị S2 chết ngày 08/09/2022, có để lại di chúc. Di sản của cụ Tăng Thị S2 là ½ diện tích nhà đất tại địa chỉ số B ngõ B T nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Thái Đức A về chia thừa kế theo di chúc của cụ Tăng Thị S2 số công chứng 112281, quyển số 23-CC/DC được lập tại Văn phòng Công chứng Việt - Thành phố H là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Thái Văn H1 không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông H1. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn H1

và đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong thời hạn quy định nên chấp nhận đưa ra xét phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ hôn nhân giữa cụ Thái S và cụ Tăng thị S2, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và di sản thừa kế của cụ Thái S và cụ Tăng thị S2 là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Cụ Thái S chết ngày 04/6/1990, không để lại di chúc nên phần di sản của cụ Thái S là $\frac{1}{2}$ nhà đất hiện đang tranh chấp và do ông Thái Đức A đang quản lý sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Thái Đức A về việc áp dụng thời hiệu chia thừa kế và giao cho ông Thái Đức A sở hữu và sử dụng là phù hợp với quy định của Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với $\frac{1}{2}$ nhà đất hiện đang tranh chấp là di sản của cụ Tăng Thị S2. Ngày 08/09/2022, cụ Tăng Thị S2 chết. Trước khi cụ S2 chết, cụ S2 đã lập bản di chúc vào ngày 19/8/2011 được Văn phòng công chứng Việt - Thành phố H chứng thực. Về hình thức và nội dung của bản di chúc này phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý, theo đó cụ S2 đã di chúc đối với phần tài sản của cụ là $\frac{1}{2}$ nhà đất hiện đang tranh chấp cho ông Thái Đức A và Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông Thái Đức A sở hữu và sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó việc ông Thái Văn H1 cho rằng trước đây cụ S2 đã có văn bản phân chia tài sản vào ngày 10/6/1989 và ngày 10/6/1992 cho các con rồi. Xét hai văn bản này về hình thức chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực nên không có giá trị pháp lý. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Thái Văn H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. **Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội .

2. Về án phí: Ông Thái Văn H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND khu vực 2 - HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA